

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 16/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền.
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, TP . Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2024/QĐST-HPT ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Gia T – Theo Giấy ủy quyền.

Bị đơn: Ông Võ Hoàng T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: A đường số B cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 31/5/2014, ông T1 có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-3043 với hạn mức sử dụng là 250.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.748.692.163 đồng, ông T1 đã thanh toán 10.543.653.166 đồng. Do ông T1 không tiếp tục thanh toán nên ngày 16/4/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông T1 và chuyển toàn bộ số nợ qua nợ quá hạn.

Tính đến ngày 03/4/2024, ông T1 còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc: 282.776.286 đồng;

Lãi quá hạn: 124.227.450 đồng;

Tổng cộng: 407.003.736 đồng. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông T1 còn tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo quy định của hợp đồng.

Bị đơn ông Võ Hoàng T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông T1 vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Võ Hoàng T1 vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Gia T là đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả cho Ngân hàng toàn bộ các khoản nợ tạm tính đến hết ngày 16/7/2024 là: 443.499.936 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 282.776.286 đồng; Tiền lãi chưa thanh toán: 160.723.650 đồng. Ông T1 tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Võ Hoàng T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 13/TB-TLVA ngày 03/01/2024 nhưng đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do. Ông T1 cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là tranh chấp về dân sự mà cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền: Xét ông Võ Hoàng T1 có địa chỉ cư trú tại Quận C. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

1.3. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Hoàng T1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không giải quyết về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét giao dịch dân sự do các bên xác lập và đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 31/5/2014, ông T1 có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-3043 với hạn mức sử dụng là 250.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.748.692.163 đồng, ông T1 đã thanh toán 10.543.653.166 đồng. Do ông T1 không tiếp tục thanh toán nên ngày 16/4/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông T1 và chuyển toàn bộ số nợ qua nợ quá hạn.

Tính đến ngày 16/7/2024, ông T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 443.499.936 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 282.776.286 đồng.
- Lãi quá hạn: 160.723.650 đồng.

Yêu cầu thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét Tại tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn...*”.

Xét tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quy định:

“... Điều 20: *Trừ trường hợp Đơn vị phát hành thẻ có quy định khác, việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:*

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ;
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

- *Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ... ”.*

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Do đó việc ông T1 chậm trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên và trái với quy định pháp luật. Vì vậy, xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông T1 trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ông T1 còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Hoàng T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 21.739.997 đồng. H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, Điều 180, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 1010;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Võ Hoàng T1 trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 31/5/2014 gồm:

- Nợ gốc: 282.776.286 đồng.

- Lãi quá hạn: 160.723.650 đồng (tạm tính đến ngày 16/7/2024)

Tổng cộng: 443.499.936 đồng.

Yêu cầu thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Võ Hoàng T1 còn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Hoàng T1 phải nộp 21.739.997 đồng.

- H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.113.545 đồng theo biên lai số 0002421 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Võ Hoàng T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn